TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 01- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Hà

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Nghiêm - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt anh B vắng mặt chị H (Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/11/2014 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn hạnh phúc, hòa thuận thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài. Anh và chị H đã sống ly thân hơn 3 năm. Nay anh Bình xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị H.

Về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung là cháu Bùi Anh K, sinh ngày 07/06/2015. Từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu K ở với chị H được chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, anh B đề nghị chị H sẽ là người trực tiếp nuôi con, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), cấp dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/11/2014 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ, chồng có một số mâu thuẫn. Đến nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị cũng đồng ý ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị H và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Anh K, sinh ngày 07/06/2015. Sau khi ly hôn chị H đồng ý với đề nghị của anh B đó là chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A K, anh B có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), cấp dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho anh Bùi Văn B được ly hôn với chị Bùi Thị H. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh K, sinh ngày 07/06/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01/2024 đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với chị Bùi Thị H. Chị H cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn B và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/11/2014 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh B và chị H đã sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay, anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Bùi Văn B được ly hôn với chị Bùi Thị H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Anh K, sinh ngày 07/06/2015. Khi ly hôn, anh B có nguyện vọng chị H sẽ là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A K anh B có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A K và yêu cầu anh B có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), cấp dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của anh B và chị H là chính đáng và hợp pháp. Hiện nay, cháu A K còn nhỏ cũng như đang sống ổn định cùng mẹ là chị H.Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu A K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó chấp nhận yêu cầu của anh B giao cháu Bùi Anh K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01/2024 đến khi cháu A K đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản: Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Bùi Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn B được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh K, sinh ngày 07/06/2015 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01/2024 đến khi cháu A K đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn B chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) anh B đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sựhuyện Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2022/0001011 ngày 19/10/2023. Anh Bùi Văn B đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Bùi Văn B vắng mặt chị Bùi Thị H. Anh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Mạnh Thìn **Trần Thị Dần** **Bùi Văn Hải**